

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 543/2018/HC-PT

Ngày: 01/06/2018

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý nhà nước về thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán

: Ông Phan Tô Ngọc

: Ông Nguyễn Minh Hiếu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lệ Hà - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 7/5 và ngày 01/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số 85/2017/TLPT-HC ngày 17/11/2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý nhà nước về thuế nhà đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của
Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 723/2018/QĐXXPT-HC ngày
01/03/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 1648/QĐPT-
HC ngày 21/03/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số
3486/QĐPT-HC ngày 07/5/2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Đỗ Sơn Bách K, sinh năm 1975.

2. Bà Phan Thị Hương G, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số AD-4-6 H, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Duy N và Luật sư Nguyễn Thị Bích H – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Người bị kiện: Chi cục thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 350 đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Trí D - Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Phan Thị Kim T, sinh năm 1972.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty G

Địa chỉ: Số 801 đại lộ L, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Lê Hạnh K, sinh năm 1950.

(Giấy ủy quyền số 0431/PMH-PV.2018 ngày 29/03/2018).

Người kháng cáo: Chi cục thuế Quận M - Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản đối thoại người khởi kiện ông Đỗ Sơn Bách K và bà Phan Thị Hương G trình bày:*

Năm 2001, vợ chồng ông du học Nhật Bản có gửi tiền về nhờ chị ruột là bà Đỗ Thị Mai H mua và đứng tên hộ hai lô đất của chủ đầu tư Công ty liên doanh G nay là Công ty G (gọi G) và bà H đã chuyển nhượng từ P bằng các hợp đồng:

- Hợp đồng số L80206-2001.PMH/MBĐ-R4 ngày 05/8/2001, lô đất mang ký hiệu R4-10, khu phố N, đường L, phường P, Quận M, diện tích 111 m².

- Hợp đồng số L80207-2001.PMH/MBĐ-R4 ngày 05/8/2001 lô đất mang ký hiệu R4-11, khu phố N, đường L, phường P, Quận M, diện tích 111 m².

Năm 2003, bà H đã bàn giao lại các hợp đồng và chứng từ liên quan đến 2 Lô đất ký hiệu R4-10 và R4-11 (gọi 2 Lô đất) cho ông bà.

Năm 2004, P đã đứng ra kê khai và nộp thay tiền sử dụng đất cho 96 khách hàng theo Bảng danh sách khách hàng dự án R4, trong đó có 2 Lô đất trên của bà Đỗ Thị Mai H, được đánh số thứ tự trong danh sách là 25 và 26. Việc nộp

thay được thể hiện tại 02 Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 31/12/2004, người kê khai là ông Nguyễn Kiên đại diện P, 02 tờ khai này đã được Thủ trưởng của Chi cục thuế Quận M là bà Đỗ Thị Hoàng O xác định tổng số tiền phải đóng là 8.898.814.500 đồng (Tám tỷ tám trăm chín mươi tám triệu tám trăm mười bốn ngàn năm trăm), P đã chuyển tổng số tiền này vào tài khoản của Kho bạc Quận M theo Giấy Ủy nhiệm chi số APP 0052 ngày 05/05/2005 có kèm Bảng danh sách khách hàng dự án R4, trong Giấy ủy nhiệm chi có ghi thanh toán nộp thay tiền sử dụng đất cho khách hàng. Như vậy đối với 2 Lô đất mang tên bà H đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước.

Do 2 Lô đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông bà chưa tiến hành làm hợp đồng chuyển nhượng sang tên. Năm 2007, ông bà có nhu cầu thế chấp 2 Lô đất cho Ngân hàng để vay vốn kinh doanh, nên ông bà cùng với bà H liên hệ với P để làm thủ tục sang tên. Theo quy định của P trường hợp này P phải thanh lý hóa đơn và hợp đồng mua bán với bà H rồi mới làm hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất với ông K và xuất hóa đơn mang tên ông K.

Ngày 27/7/2007 P đã lập hai hợp đồng chuyển nhượng mới đối với 2 Lô đất. Hai hợp đồng này chỉ ký giữa ông K với P không ra công chứng chứng thực.

Năm 2009, ông bà tiến hành làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định việc chuyển nhượng phải được thực hiện tại Phòng công chứng. Vì vậy, vào ngày 12/9/2009 giữa P và ông K đã lập 02 hợp đồng số 037730/HĐ-CNQSĐĐ và số 037731/HĐ – CNQSĐĐ, có chứng thực của Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ông K đã nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2 Lô đất và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giao đất số 5912 ngày 28/12/2009. Ngày 25/10/2011 và ngày 21/11/2011 Chi cục thuế Quận M (gọi Chi cục thuế) ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất số 284-10/TB-CCT-TBA (gọi Thông báo 284-10) và Thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất số 283-10/TB-CCT-TBA (gọi Thông báo 283-10).

Cùng ngày 15/8/2016 Chi cục thuế Quận M ban hành Thông báo số 8226/TB-CCT-TB (gọi Thông báo 8226) và Thông báo số 8227/TB-CCT-TB (gọi Thông báo 8227) về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp tính đến ngày 31/5/2016 đối với 2 Lô đất.

Theo quy định của pháp luật tiền sử dụng đất chỉ phải nộp một lần. Căn cứ để P nộp thay tiền sử dụng đất cho các khách hàng là Thông báo số 345/TB-VP

ngày 13/8/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết những kiến nghị của P. Tại Công văn số 1391/PMH-CV.14 ngày 17/9/2014 gửi Chi Cục thuế Quận M, P đã khẳng định việc nộp thay tiền sử dụng đất đối với 02 Lô đất. Việc lập lại hợp đồng chuyển nhượng 2 Lô đất vào thời điểm năm 2009 giữa P và ông K chỉ là hợp thức hóa lại giao dịch mua bán từ năm 2001. Từ cơ sở này ông bà không đồng ý nội dung của Thông báo 8226 và Thông báo 8227 và yêu cầu Tòa án hủy.

** Tại Biên bản đối thoại ngày 21/8/2017, ông Lê Tiến Đức là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chi cục thuế Quận M trình bày:*

Sau khi Chi cục thuế ban hành Thông báo 284-10 và Thông báo 283-10, ông K có đơn khiếu nại đề ngày 21/7/2014, theo đơn ông K khiếu nại yêu cầu Chi cục thuế áp dụng giá đất tại thời điểm ký Hợp đồng chuyển nhượng năm 2007 không có công chứng chứng nhận.

Ngày 26/8/2014, Chi cục thuế ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1441/QĐ-CCT về việc không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông K, giữ nguyên Thông báo 283 và Thông báo 284.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1441/QĐ-CCT, ngày 14/12/2014, ông K tiếp tục gửi đơn khiếu nại việc áp dụng giá đất 26.000 đồng/m² vì thực tế 02 Lô đất được bà H mua từ năm 2001 và đã được P nộp thay tiền sử dụng đất vào năm 2004. Ngày 29/01/2015, Chi cục thuế ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 13/QĐ-CCT, về việc không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông K và giữ nguyên Thông báo 283-10 và Thông báo 284-10.

Không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại 13/QĐ-CCT, ngày 02/02/2015, ông K khiếu nại lần 2 đến Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07/5/2015 Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 47/QĐ-CT với nội dung không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông K và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại 13/QĐ-CCT.

Do ông K chưa hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất vào Ngân sách Nhà nước theo hai Thông báo 283-10 và 284-10, Chi cục thuế đã chuyển hai Thông báo này đến P để P giao lại cho ông K và bà Giang.

Căn cứ Khoản 1 Điều 106 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Khoản 32 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Khoản 4 Điều 5 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về

thuế; Mục 1 Công văn số 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất đối với Khu đô thị mới P; Điểm b Mục 3 Phần II Công văn số 2709/UBND-ĐTMT ngày 09/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp đã ký hợp đồng mua bán nhà ở tại khu A, Khu đô thị mới P, ngày 15/8/2016, Chi cục thuế đã ban hành các thông báo và tính tiền chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất đối với ông K bà Giang như sau:

- Thông báo 8226 về tiền chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất đối với lô đất R4-10.R4, Đường số 2, khu phố N, phường P, Quận M tạm tính từ ngày 28/12/2011 đến ngày 31/05/2016 là: 991.582.569 đồng.

- Thông báo 8227 về tiền chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà, đất đối với lô đất R4-11.R4, Đường số 2, khu phố N, phường P, Quận M tạm tính từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/05/2016 là: 1.006.459.614 đồng.

Căn cứ Mục a Khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính thì thời hiệu khởi kiện đối với Thông báo 283-10 và Thông báo 284-10 của ông K và bà Giang không còn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH phát triển P có ông Lê Hạnh K đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Theo Công văn số 345/TB-VP ngày 13/8/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thì những trường hợp P đã xuất hóa đơn cho khách hàng từ ngày 15/4/2004 trở về trước thuộc diện được tính giá đất 26.000 đồng/m². Vì vậy, P đã nộp thay tiền sử dụng đất cho 96 khách hàng, trong đó có 02 Lô đất mang tên bà H.

Việc P ký kết hợp đồng mới với ông K là theo mẫu hợp đồng chung do P soạn, tại Phụ lục 3 mẫu hợp đồng chung có ghi: tiền sử dụng đất “Theo mức thu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định. Những trường hợp được P ứng tiền trước nộp thay cho khách hàng tiền sử dụng đất, khi nhận Giấy chứng nhận khách hàng sẽ phải hoàn trả cho P số tiền mà trước đó P đã nộp thay cho khách hàng”.

Vì vậy, vào ngày 17/9/2014 P có Công văn số 1391/PMH-CV.14 gửi cho Chi Cục thuế để xác nhận việc đã nộp thay tiền sử dụng đất cho 2 Lô đất của ông K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân Quận M chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Sơn Bách K, bà Phan Thị Hương G về yêu cầu hủy Thông báo số 2286 và 2287 ngày

15/8/2016 của Chi cục thuế Quận M về việc thu số tiền sử dụng đất, số tiền chậm nộp và số tiền phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế. Giữ nguyên phần thông báo số tiền lệ phí trước bạ của hai Thông báo số 2286 và 2287 ngày 15/8/2016 của Chi cục thuế Quận M.

Ngoài ra bản án còn có phần quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Đơn kháng cáo ngày 10/10/2017, Chi cục thuế kháng cáo yêu cầu tuyên Bản án sơ thẩm vô hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người bị kiện Chi cục thuế Quận M có ông Phạm Trí Dũng là Chi cục trưởng có yêu cầu vắng mặt theo đơn đề ngày 12/03/2018.

* Người khởi kiện ông K trình bày:

- Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện
- Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Tổng số tiền sử dụng đất theo 2 Tờ khai nộp tiền sử dụng đất đề ngày 31/12/2004, P đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thuế Quận M, nhưng tổng số tiền này Chi cục thuế chỉ tạm thu và P chỉ là tạm nộp thay cho các khách hàng.

Chi cục thuế căn cứ vào Quyết định của Ủy ban Thành phố về việc giao 2 Lô đất cho ông K bà Giang để ban hành Thông báo 284-10 và Thông báo 283-10. Từ Thông báo 284-10 và Thông báo 283-10 Chi cục thuế mới ban hành Thông báo 2286 và Thông báo 2287. Thông báo 2286 và Thông báo 2287 chỉ là văn bản nhắc lại số nợ gốc và tính tiền chậm nộp, Tòa án sơ thẩm tuyên hủy một phần Thông báo 8226 và Thông báo 8227 đối với các khoản liên quan đến tiền sử dụng đất, nhưng Thông báo 284-10 và Thông báo 283-10 hiện vẫn còn tồn tại. Vì vậy, Chi cục thuế đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chi cục thuế, sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Nguyễn Duy N trình bày:

Ông K, bà Giang không khởi kiện Thông báo 283-10 Thông báo 284-10 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh mà ông K, bà Giang chỉ khởi kiện Thông báo 8226 và Thông báo 8227.

Theo Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, Thông báo cũng được coi là quyết định hành chính. Nội dung của Thông báo 8226 và Thông báo 8227 khác với nội dung của Thông báo 283-10 và Thông báo 284-10. Không có căn cứ để cho rằng Thông báo 8226 và Thông báo 8227 chỉ là nhắc lại nội dung của Thông báo 283-10 và Thông báo 284-10.

P đã khẳng định: Không thông báo cho ông K biết việc P đã ứng tiền nộp thay tiền sử dụng đất đối với 2 Lô đất. Vì vậy, khi khiếu nại ông K chỉ khiếu nại đề nghị xem xét lại mức thuế phải đóng chứ không khiếu nại 2 Lô đất đã nộp tiền sử dụng đất. Đây là tình tiết mới, trong suốt quá trình khiếu nại ông K không hề biết và cũng chưa từng đề cập đến trong yêu cầu khiếu nại. Hơn nữa trong các quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục thuế và Cục thuế Thành phố cũng chỉ giải quyết nội dung khiếu nại của ông K về áp dụng mức thuế không giải quyết nội dung liên quan đến việc P đã nộp thay tiền sử dụng đất.

Về nguyên tắc, tiền sử dụng đất chỉ phải nộp một lần, qua xác nhận của P cùng với các tài liệu chứng cứ gồm: Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 31/12/2004; Giấy ủy nhiệm chi số APP 0052 ngày 05/5/2015 và danh sách 96 khách hàng do P lập để nộp tiền sử dụng đất thì 2 Lô đất đã được nộp tiền sử dụng.

Tại Văn bản số 8143/UB-ĐT ngày 28/12/2004 của Ủy ban Thành phố và Văn bản 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo và hướng dẫn cho P việc nộp thay tiền sử dụng đất cho khách hàng mua nhà, đất và thời điểm tính tiền sử dụng đất là thời điểm khách hàng ký hợp đồng lần đầu với P, người nhận chuyển nhượng hợp đồng được xem như là kế thừa quyền và nghĩa vụ của người chuyển nhượng. Chi cục thuế căn cứ vào Quyết định giao đất của Ủy ban Thành phố và Hợp đồng chuyển nhượng có công chứng để tính khoản nộp tiền sử dụng đất đối với 2 Lô đất là không đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và Ủy ban Thành phố. Đề nghị, bác kháng cáo của Chi cục thuế và giữ y án sơ thẩm

Đối với Thông báo 283-10 và 284-10, theo Chi cục thuế thì hiện nay trong 2 Thông báo này vẫn còn tồn tại khoản tiền sử dụng đất mà ông K và bà Giang phải nộp. Đề nghị giải quyết dứt điểm đề nghị tuyên hủy luôn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và

những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng;

- Về nội dung kháng cáo của người bị kiện:

Thực hiện Thông báo 345/TB-VP ngày 13/8/2004 của Văn phòng Ủy ban Thành phố, ngày 05/5/2005 P đã đứng ra kê khai và nộp tiền sử dụng đất đối với 2 lô đất cho bà Đỗ Thị Mai H. Do bà H chưa làm thủ tục cấp giấy nên bà H chưa phát sinh nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất.

Ngày 27/7/2007, giữa bà H và P đã thanh lý hợp đồng chuyển nhượng 2 lô đất và ngày 08/8/2007 hai bên đã lập Biên bản hủy hóa đơn. Thực tế, việc thanh lý hợp đồng và hủy hóa đơn này là có sự thỏa thuận giữa bà H, ông K và P, nhưng về mặt pháp lý, 02 lô đất này bà H đã trả lại cho P và P được nhận lại mọi quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng. Đồng nghĩa với việc tiền sử dụng đất mà P đã nộp thay được trả lại cho P. Căn cứ Khoản 1 Điều 2 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì khi Ông K, bà Giang ký kết mới hai hợp đồng chuyển nhượng với P và được Ủy ban Thành phố ban hành quyết định giao đất, đến thời điểm này mới phát sinh nghĩa vụ đóng tiền sử dụng đất, ông K bà Giang là người phải thực hiện nghĩa vụ đóng tiền sử dụng đất đối với 2 lô đất. Năm 2011, Chi cục thuế Quận M ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuế trước bạ, ông K đã khiếu nại, đến ngày 15/8/2016 do ông K vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ. Chi cục thuế Quận M ban hành Thông báo 8226 và Thông báo 8227 đối với ông K bà Giang là đúng quy định của Luật quản lý thuế, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 71/2014/QH13.

Đề nghị:

- Về hình thức: Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện;

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, sửa Bản án số 09/2017/HCST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, xét:

Ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân Quận M tiến hành xét xử vụ xử và tuyên án. Ngày 10/10/2017, người bị kiện Chi cục thuế Quận M thực hiện quyền kháng cáo. Theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, kháng

cáo của người bị kiện còn trong thời hạn, được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng, xét:

Tại các Đơn đề ngày 12/03/2018 và ngày 06/5/2018, người khởi kiện bà Phan Thị Hương G, người bị kiện Chi cục thuế Quận M có ông Phạm Trí Dũng là Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người khởi kiện bà Giang và người bị kiện Chi cục thuế Quận M.

[3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án, xét:

Thông báo 8226 và Thông báo 8227 của Chi cục thuế Quận M ban hành ngày 15/8/2016 là quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về thuế nhà, đất được áp dụng đối với ông Đỗ Sơn Bách K và bà Phan Thị Hương G. Ngày 25/11/2016, ông K và bà Giang đã có đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân Quận M nhận ngày 27/11/2016. Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Thông báo 8226 và Thông báo 8227 là quyết định hành chính bị kiện, còn trong thời hiệu khởi kiện, Tòa án nhân dân Quận M thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[4] Về kháng cáo của người bị kiện:

[4.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành, xét:

Đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ là 2 lô đất R4-10 và R4-11, loại đất ở, tọa lạc tại Khu A, Khu đô thị nam Thành phố, vị trí Phường P phường P, Quận M (gọi 2 Lô đất). Sau khi ban hành các Thông báo 284 và Thông báo 283 yêu cầu ông K, bà Giang phải nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ nhà đất đối với 2 Lô đất, Chi cục Thuế Quận M ban hành tiếp Thông báo tiền nợ thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp số 8226 và số 8227 là đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 106 Luật Quản lý thuế năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2012; Điều 1 và Khoản 5 Điều 2 của Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế.

[4.2] Việc nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với 2 Lô đất, xét:

[4.2.1] Khoản nộp tiền sử dụng đất:

Tại các Thông báo nộp tiền thuế sử dụng số 284-10 và 283-10, Chi cục thuế ấn định ông K và bà Giang phải nộp tiền sử dụng đất đối với 2 Lô đất.

Trong Thông báo số 8226 và 8227, Chi cục thuế ấn định ông K và bà Giang có nghĩa vụ phải nộp các khoản: Tiền sử dụng đất; tiền trước bạ nhà, đất và tiền phát sinh tính đến ngày 31/5/2016 đối với 2 Lô đất.

Tại Công văn số 8143/UB-ĐT ngày 28/12/2004 Ủy ban Thành phố đã chỉ đạo: “*Chấp thuận cho Công ty Liên doanh P nộp tiền sử dụng đất cho khách hàng mua nhà, đất...*”.

Tại Công văn số 2187/TTg-KTN ngày 12/12/2010, Thủ tướng Chính Phủ có ý kiến chỉ đạo: “*Trường hợp P đã ký kết hợp đồng mua bán nhà ở với khách hàng ... trước ngày 16/11/2004 ... thì việc nộp tiền sử dụng đất thực hiện theo Quyết định số 112/2002/QĐ-UBND ngày 08/10/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*”

Tại Công văn 2709/UBND-ĐTMT ngày 09/6/2011 Ủy ban thành phố có ý kiến: “*... Khách hàng đóng tiền sử dụng đất cho ... P ... P có trách nhiệm thu của khách hàng tiền sử dụng đất phù hợp với văn bản pháp luật trong từng trường hợp nêu tại Công văn 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng chính phủ và hướng dẫn cụ thể tại phần II của công văn này để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định...*”.

Tại Khoản 1 Phần II của Công văn số 2709/UBND-ĐTMT ngày 09/6/2011 đã quy định: *Trường hợp Công ty TNHH liên doanh P ký kết hợp đồng mua bán nhà trước ngày 16/11/2004 (ngày Nghị định 181/2004 có hiệu lực) thì việc nộp tiền sử dụng đất được thực hiện như sau:*

a) *Công ty TNHH liên doanh P chịu trách nhiệm báo cáo cụ thể số lượng hợp đồng đã ký kết với khách hàng và tổng hợp các hồ sơ liên quan nộp theo Quyết định 112/2002 ngày 08/10/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh....*

b)...

c) *Sau khi thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty TNHH liên doanh P phối hợp với các cơ quan có liên quan lập thủ tục hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân Quận M cấp Giấy chứng nhận theo quy định”.*

Tại Công văn số 5457/BTP-PLQT ngày 14/9/2011 gửi cho Công ty TNHH Liên doanh P, Bộ Tư pháp có ý kiến về thủ tục công chứng hợp đồng mua bán nhà ở giữa P với khách hàng trước ngày 01/7/2006 như sau: “*...tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2187/TTg-KTN là tạo điều kiện thuận lợi và hợp lý cho khách hàng của P đóng tiền sử dụng đất trên*

cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật theo thời điểm khách hàng ký hợp đồng với Công ty.

Do vậy, thời điểm tính tiền sử dụng đất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nên được hiểu là thời điểm ký hợp đồng ban đầu giữa Công ty và khách hàng (trước ngày 01/7/2006). Việc ký lại hợp đồng có công chứng theo quy định của pháp luật chỉ nên xem là thủ tục hành chính mà không phải là thời điểm xem xét để tính tiền sử dụng đất.”...

Theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất ở phải nộp tiền sử dụng đất. Ngày 05/8/2001, P đã ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng 02 Lô đất với bà Đỗ Thị Mai H. Năm 2004, P đã lập Tờ Khai nộp tiền sử dụng đất cho 96 khách hàng trong đó có 2 Lô đất, cụ thể: tại các Tờ khai nộp tiền sử dụng cùng đề ngày 31/12/2004, nội dung tờ khai này đã được người có thẩm quyền tại Chi cục thuế ký tên đóng dấu, tại phần xác định của cơ quan thuế, Chi cục thuế đã xác định tiền sử dụng đất còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước và có ấn định thời gian nộp. Phần xác định này thay cho Thông báo nộp tiền sử dụng. Theo Giấy ủy nhiệm chi số APP 0052 lập ngày 05/5/2005 kèm danh sách 96 khách hàng dự án R4 và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chi cục thuế thì tổng số tiền sử dụng đất theo 2 Tờ khai nộp tiền sử dụng P đã nộp cho Chi cục thuế. Như vậy, 2 Lô đất đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo quy định, Chi cục Thuế ban hành 2 Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 284-10 và 283-10 đối với ông K và bà Giang là chưa đúng và trái với Công văn 2079/UBND-ĐTMT ngày 09/6/2011 của Ủy ban Thành phố.

[4.2.2] Khoản tiền lệ phí trước bạ nhà, đất:

Theo Thông báo số 8226 và 8227, ngoài khoản tiền sử dụng đất, Chi cục thuế còn ấn định khoản tiền lệ phí trước bạ nhà, đất cùng với số tiền 5.494.500 đồng. Theo quy định tiền lệ phí trước bạ ông K và bà Giang phải có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước. Trong quá trình giải quyết vụ án P xác nhận chưa nộp thay cho khách hàng và ông K cũng xác nhận là chưa nộp khoản tiền này. Khoản tiền thuế trước bạ ghi trong hai Thông báo 8226 và 8227 Chi cục thuế đã tính đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi cục thuế Quận M về tổng số tiền sử dụng đất theo hai Tờ khai nộp tiền sử dụng đất đề ngày 31/12/2004 P đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thuế Quận M là khoản tiền Chi cục thuế chỉ tạm thu và P

chỉ tạm nộp thay cho các khách hàng trong đó có 2 Lô đất. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K và bà Giang là có căn cứ. Do đó, kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K và bà Giang của Chi Cục thuế Quận M và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kháng cáo của Chi cục thuế Quận M không có cơ sở chấp nhận.

Đối với đề nghị của Luật sư người khởi kiện về yêu cầu hủy Thông báo 284-10 và Thông báo 283-10. Theo quy định tại Điều 220 Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án cấp Phúc thẩm chỉ xem xét lại phần bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị. Trong vụ án này người khởi kiện ông K, bà Giang không kháng cáo. Đề nghị của Luật sư người khởi kiện không có cơ sở chấp nhận

[5] Về án phí:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm nên người kháng cáo Chi Cục thuế Quận M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 220; Khoản 4 Điều 225; Khoản 1 Điều 241; Điều 242 và Khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 106 Luật Quản lý thuế năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2012; Điều 1 và Khoản 5 Điều 2 của Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Chi Cục thuế Quận M. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận M.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chi Cục thuế Quận M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào 300.000đ mà Chi Cục thuế Quận M đã nộp theo các Biên lai thu số AA/2017/0024419 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận M
- Chi Cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phượng